

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/TCDS-ST
Ngày 24/4/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Ông Nguyễn Đức Quyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lò Văn T, sinh năm 1970 và ông Lò Văn T, sinh năm 1969, đều trú tại: Bản Nà C, xã Chiềng L, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.
2. *Bị đơn:* Ông Lù Văn P, sinh 1964 và bà Trần Thị Đ, sinh 1964, trú tại: Tiểu K4, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Bà Trần Thị Đ có mặt tại phiên tòa. Ông Lù Văn P vắng mặt có văn bản ủy quyền cho bà Trần Thị Đ.
3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Lò Văn H, sinh năm 1967 và anh Quàng Văn T, sinh 1985, đều trú tại: Bản NN, xã Chiềng L, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Lò Văn T và ông Lò Văn T đều trình bày:

Qua giới thiệu của ông Lò Văn H, sinh năm 1967 và anh Quàng Văn T, sinh 1985, đều trú tại: Bản NN, xã Chiềng L, huyện ML, tỉnh SL. Ngày 08/4/2014 hai ông có cho ông Lò Văn P, sinh 1964, trú tại: Tiểu K4, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL vay số tiền 150.000.000, đồng. Trong đó ông Lò Văn T là 80.000.000, đồng và ông Lò Văn T là 70.000.000, đồng. Hai bên có lập hợp đồng (giấy vay), lãi xuất là 2% tháng, thời gian vay là 12 tháng. Đến ngày 24/12/2015 ông Lò Văn P và bà Trần Thị Đ là vợ ông P ký cam kết là ông Lò Văn P và bà Trần Thị Đ cùng có trách nhiệm trả nợ. Ngày 04/12/2016 viết cam kết trả nợ và ngày 29/01/2016 ông Lò Văn P tiếp tục viết giấy hẹn trả nợ đến ngày 30/6/2016.

Ngày 29/01/2016 ông Lò Văn P trả cho hai ông được 8.000.000, đồng và bà Trần Thị Đ trả cho hai ông được 10.000.000, đồng. Số tiền này hai ông chia nhau mỗi người 9.000.000, đồng.

Hết hạn trả nợ hai ông đã đòi nhiều lần nhưng ông Lò Văn P và bà Trần Thị Đ không trả được thêm ít nào.

Nguyên đơn ông Lò Văn T và ông Lò Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lò Văn P và bà Trần Thị Đ phải thanh toán trả cho hai ông số tiền vay gốc ông Lò Văn T là 80.000.000, đồng và ông Lò Văn T là 70.000.000, đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đưa ra tài liệu chứng cứ gồm: Giấy vay tiền ngày 08/4/2014 và các giấy hẹn trả nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Chồng bà là ông Lò Văn P trực tiếp vay tiền của ông Lò Văn T và ông Lò Văn T với số tiền gốc là 150.000.000, đồng, sau đó hai ông đến nhà đòi nhiều lần, hai vợ chồng bà có viết cam kết cùng trả nợ, chồng bà đã thanh toán trả được 8.000.000, đồng và bà trả cho hai ông được 10.000.000, đồng. Tổng cộng là 18.000.000, đồng. Nay ông Lò Văn T và ông Lò Văn T yêu cầu hai vợ chồng bà phải thanh toán trả nợ số tiền gốc là 150.000.000, đồng bà nhất trí và trả khoản lãi trên số tiền gốc còn lại.

Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lò Văn P và bà Trần Thị Đ phải thanh toán trả cho hai ông số tiền vay gốc ông Lò Văn T là 80.000.000, đồng và ông Lò Văn T là 70.000.000, đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Bị đơn nhất trí thanh toán trả số tiền gốc là khoản lãi trên số tiền gốc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn H và anh Quàng Văn T trình bày: Do quen biết ông Lò Văn P hai người có giới thiệu để ông P gặp hai ông T, ông T vay tiền, số tiền ông P vay là 150.000.000, đồng. Trong giấy vay tiền hai

người ký vào đại diện bên vay, nhưng thực tế hai người chỉ giới thiệu và làm chứng để cho ông Lù Văn P vay tiền của hai ông T, ông T.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định. Về nội dung: Có căn cứ để xử buộc ông Lù Văn P và bà Trần Thị Đ phải thanh toán trả nợ cho vay gốc ông Lù Văn T là 71.000.000,đồng và ông Lù Văn T là 61.000.000,đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Lù Văn P sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, Tòa án đã yêu cầu ông P cung cấp chứng cứ, viết bản tự khai, nhưng ông P chồn tránh, từ chối khai báo. Ông P đã được tổng đạt hợp lệ để xét xử 04 lần vắng mặt, hiện có văn bản ủy quyền cho vợ là bà Trần Thị Đ. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ để xét xử vắng mặt ông Lù Văn P.

[2] Xét về hợp đồng vay tài sản giữa ông Lù Văn T, ông Lù Văn T với ông Lù Văn P và bà Trần Thị Đ: Căn cứ vào văn bản giấy vay tiền đề ngày 08/4/2014, ngày 24/12/2015 ông Lù Văn P và bà Trần Thị Đ là vợ ông P ký cam kết là ông Lù Văn P và bà Trần Thị Đ cùng có trách nhiệm trả nợ. Ngày 04/12/2016 và ngày 29/01/2016 ông Lù Văn P tiếp tục viết giấy hẹn trả nợ đến ngày 30/6/2016. Lời trình bày của ông Lù Văn H và anh Quảng Văn T xác nhận có giao dịch vay tiền giữa ông Lù Văn T, ông Lù Văn T với ông Lù Văn P và bà Trần Thị Đ, thì việc hai bên có giao dịch vay tiền là có thật.

[3] Xét về yêu cầu của ông Lù Văn T và ông Lù Văn T: Do giao dịch vay tiền được xác lập là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, do đến hạn bên vay ông Lù Văn P và bà Trần Thị Đ không trả đầy đủ khoản nợ, nên cần căn cứ quy định của điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lù Văn T và ông Lù Văn T, buộc ông Lù Văn P và bà Trần Thị Đ phải trả khoản tiền vay gốc cho ông Lù Văn T 71.000.000,đồng và ông Lù Văn T 61.000.000,đồng.

Về lãi suất: Do đến hạn trả nợ ông Lù Văn P và bà Trần Thị Đ không trả được đầy đủ khoản nợ gốc và lãi suất, nên lãi suất được tính như sau:

Từ ngày 08/4/2014 đến ngày 29/01/2016 (trả được 4.000.000,đồng).

Lãi suất được tính 10%/năm : 12 tháng = 0,83%/tháng;

Đối với ông Lù Văn T lãi được tính:

Từ ngày 08/4/2014 đến 29/01/2016 là 21 tháng 20 ngày.

Tiền gốc là 80.000.000, đồng $\times 0,83\% = 664.000$, đồng/1 tháng $\times 21$ tháng 20 ngày = 14.386.600, đồng.

Từ ngày 30/01/2016 đến 26/01/2017 (trả được 5.000.000, đồng) là 11 tháng 26 ngày. Tiền gốc là 76.000.000, đồng $\times 0,83\% = 630.000$, đồng/1 tháng $\times 11$ tháng 26 ngày = 6.938.800, đồng.

Từ ngày 27/01/2017 đến 24/4/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 14 tháng 27 ngày. Tiền gốc là 71.000.000, đồng $\times 0,83\% = 589.300$, đồng/1 tháng $\times 14$ tháng 27 ngày = 8.780.500, đồng.

Cộng lãi 14.386.600, đồng + 6.938.800, đồng + 8.780.500, đồng = 30.105.900, đồng.

Đối với ông Lò Văn T lãi được tính:

Từ ngày 08/4/2014 đến ngày 29/01/2016 (trả được 4.000.000, đồng).

Từ ngày 08/4/2014 đến 29/01/2016 là 21 tháng 20 ngày.

Tiền gốc là 70.000.000, đồng $\times 0,83\% = 581.000$, đồng/1 tháng $\times 21$ tháng 20 ngày = 12.588.300, đồng.

Từ ngày 30/01/2016 đến 26/01/2017 (trả được 5.000.000, đồng) là 11 tháng 26 ngày. Tiền gốc là 66.000.000, đồng $\times 0,83\% = 547.800$, đồng/1 tháng $\times 11$ tháng 26 ngày = 6.500.500, đồng.

Từ ngày 27/01/2017 đến 24/4/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 14 tháng 27 ngày. Tiền gốc là 61.000.000, đồng $\times 0,83\% = 506.300$, đồng/1 tháng $\times 14$ tháng 27 ngày = 7.543.800, đồng.

Cộng lãi 12.588.300, đồng + 6.500.500, đồng + 7.543.800, đồng = 26.632.600, đồng.

Như vậy: Ông Lò Văn P và bà Trần Thị Đ phải thanh toán trả nợ cho:

Ông Lò Văn T số tiền vay gốc là 71.000.000, đồng và lãi là 30.105.000, đồng. Tổng cộng là 101.105.000, đồng.

Ông Lò Văn T số tiền vay gốc là 61.000.000, đồng và lãi là 26.632.000, đồng. Tổng cộng là 87.632.000, đồng.

(Số tiền trên được làm tròn)

Ông Lò Văn P và bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Buộc ông Lù Văn P và bà Trần Thị Đ phải thanh toán trả nợ cho:

Ông Lò Văn T số tiền vay gốc là 71.000.000,đồng và lãi là 30.105.000,đồng. Tổng cộng là 101.105.000,đồng (một trăm linh một triệu một trăm linh năm nghìn đồng);

Ông Lò Văn T số tiền vay gốc là 61.000.000,đồng và lãi là 26.632.000,đồng. Tổng cộng là 87.632.000,đồng (tám mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Thời hạn trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án”.

2. Về án phí:

Ông Lù Văn P và bà Trần Thị Đ phải chịu 9.436.800 đồng (chín triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lò Văn T 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004679 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 24/4/2018. Ông Lù Văn P biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (6);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh Tuấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Tuấn

